

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/KDTM-ST
Ngày: 21 - 08 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Ngọc Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Sóng.
2. Ông Đồng Xuân Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đồng Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 06/2019/TLST-KDTM ngày 23 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXXST-KDTM ngày 04 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2019/QĐST-KDTM ngày 25 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng T; địa chỉ trụ sở: Tòa nhà C, số 109, phố T phường C, quận H, thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Huy Th – Chức vụ: Tổng giám đốc; người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn Ph – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng T – Chi nhánh Hải Phòng (Giấy ủy quyền số 09/2017/UQ –TGD ngày 16/02/2017); có mặt.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần Đ; địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện T, Hải Phòng; Người đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị X - Chức vụ: Giám đốc; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12 tháng 10 năm 2018 và các lời khai tại Tòa án cũng như lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn là Ngân hàng T do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 12/04/2008, Chi nhánh Ngân hàng T Cầu tại Hải Phòng, nay chuyển đổi thành Ngân hàng T (sau đây gọi tắt là GPBank) và Công ty Cổ phần Đ có ký Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 0136/HDTD-GPB-HP/08, với nội dung: Chi nhánh Ngân hàng T tại Hải Phòng cho Công ty Cổ phần Đ vay số tiền là: 4.850.000.000 (Bốn tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng); mục đích vay: Đầu tư mua tàu chở hàng khô trọng tải 1.100 tấn; thời hạn vay: 96 tháng tính từ ngày ký khế ước nhận nợ; lãi suất vay: 1,5%/tháng (điều chỉnh 03 tháng/lần theo quy định của GPBank).

Tài sản bảo đảm cho khoản vay gồm:

- 01 tàu chở hàng khô Đ 18, số đăng ký HP 2908 cấp tàu VR SI.
- Quyền sử dụng diện tích đất 100m²; thửa số 1963; tờ bản đồ số:04; địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện T, thành phố Hải Phòng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI665742, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H/01278 do UBND huyện T, thành phố Hải Phòng cấp ngày 04/12/2007 đứng tên ông Vũ Văn Q và vợ là bà Đinh Thị Kiều N.
- Quyền sử dụng diện tích đất 62,5m²; thửa số: 1331; tờ bản đồ số: 02; địa chỉ: Thôn My Sơn, xã Ngũ Lão, huyện T, thành phố Hải Phòng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 235270, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H/01609 do UBND huyện T, thành phố Hải Phòng cấp ngày 16/01/2008 cho ông Bùi Đức H và vợ là bà Bùi Thị X

Chi tiết về việc thế chấp tài sản được quy định cụ thể tại theo Hợp đồng thế chấp số 0129/HDTC-GPBHP/08 ngày 12/04/2008, 0130/HDTC-GPBHP/08 ngày 12/04/2008, 0131/HDTC-GPBHP/08 ngày 12/04/2008 và các phụ lục hợp đồng thế chấp giữa GP Bank với Công ty Cổ phần Đ và bên thứ ba là Bùi Đức H và vợ là bà Bùi Thị X; Vũ Văn Q và vợ là bà Đinh Thị Kiều Ng.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng số 0136/HDTD-GPB-HP/08, Công ty Cổ phần Đ mới trả được số nợ gốc là: 606.000.000 đồng và nợ lãi là: 748.765.242 đồng, ngày 16/04/2009 Công ty Cổ phần Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi vay nên món vay chuyển nợ quá hạn.

Ngay sau khi phát sinh nợ quá hạn, GPBank đã yêu cầu Công ty Cổ phần Đ thực hiện nghĩa vụ nợ của mình đối với Ngân hàng. Ngày 06/05/2009 Công ty Đ nộp 400.000.000 đồng và đề nghị được giải chấp tài sản đứng tên ông Bùi Đức H và bà Bùi Thị X. Trên cơ sở đó Ngân hàng đã hạch toán thu nợ đối với khoản vay và đồng ý cho Công ty Đ rút tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất số AL 235270, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H/01609 do UBND huyện T, TP Hải Phòng cấp ngày 16/01/2008 cho ông Bùi Đức H và vợ là bà Bùi Thị X.

Đối với tài sản bảo đảm là tàu biển mang tên Đ 18, ngay sau khi tàu Đ 18 bị đắm, GPBank Hải Phòng đã kết hợp với Công ty CP Đ và Công ty H trong việc trục vớt tàu, đồng thời đi chào một số đơn vị có năng lực và chuyên môn tại Hải phòng để chào mời lai dắt con tàu Đ 18 từ Bạch Long – Trung quốc về Hải phòng. Sau khi tàu Đ 18 được lai dắt về Hải Phòng, Chi nhánh cùng các cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Đ và công ty H là người có trách nhiệm liên quan đã thống nhất phương án bán con tàu Đ 18 với giá 3.250.000.000 (Ba tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng). Trong đó: trả tiền lai dắt cho Công ty Thu Minh là 300.000.000 (Ba trăm triệu đồng), số tiền còn lại là 2.950.000.000 (Hai tỷ chín trăm năm mươi triệu đồng) được dùng để trả nợ gốc cho khoản vay của Công ty Đ tại GPBank vào ngày 14/12/2011.

Đối với tài sản bảo đảm là 100m²; thửa số 1963; tờ bản đồ số:04; địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện T, thành phố Hải Phòng đã được đưa ra Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản thành phố Hải Phòng để tiến hành bán đấu giá, sau mỗi lần đấu giá không thành tài sản được giảm giá 10% theo quy định của pháp luật mà vẫn không có người tham gia mua. Tới lần đấu giá tài sản lần thứ 08 với mức giá khởi điểm là: 214.000.000 đồng đã được bán thành công. Sau khi trừ đi các chi phí liên quan, số tiền còn lại là 194.139.000 đồng đã được Ngân hàng thu trừ nợ vào ngày 10/11/2016 theo quy định.

Tính đến ngày 10/11/2016, số nợ gốc thu được là: 4.434.487.907 đồng; số nợ lãi thu được là: 1.279.338.526 đồng.

Việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết tại các Hợp đồng tín dụng của bên vay đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của GPBank. Để đảm bảo thu hồi vốn vay, Ngân hàng T đề nghị Toà án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng giải quyết buộc Công ty Cổ phần Đ phải thanh toán trả cho Ngân hàng T các khoản nợ tạm tính đến hết ngày 20/8/2019 như sau: Nợ gốc: 415.512.093 đồng; lãi quá hạn: 1.252.117.820 đồng; lãi phạt chậm trả: 3.977.011.737 đồng. Tổng cộng các khoản nợ gốc, lãi quá hạn, lãi phạt chậm trả là: 5.644.641.650 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 21/08/2019 đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ cho GPBank.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút yêu cầu buộc bị đơn phải thanh toán khoản lãi phạt chậm trả là 3.977.011.737 đồng.

Bị đơn là Công ty Cổ phần Đ đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị

đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Ý kiến về việc giải quyết nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Công ty Cổ phần Đ có ký hợp đồng tín dụng vay vốn của Ngân hàng T – Chi nhánh Hải Phòng số tiền 4.850.000.000 (Bốn tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng), việc ký kết hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, nội dung và hình thức hợp đồng đều đúng quy định của pháp luật, có công chứng theo đúng quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã thực hiện nghĩa vụ giao tiền theo đúng thỏa thuận, nhưng bị đơn đã không thực hiện nghĩa vụ trả lãi và trả gốc đúng kỳ hạn đã cam kết trong hợp đồng mặc dù nguyên đơn đã đôn đốc, nhắc nợ nhiều lần. Nguyên đơn đã xuất trình hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ thể hiện bị đơn đã nhận nợ số tiền 4.850.000.000 (Bốn tỷ tám trăm năm mươi triệu) đồng và các bảng tính nợ gốc và lãi từ thời điểm nhận nợ cho đến ngày 20/8/2019, Công ty Cổ phần Đ còn nợ Ngân hàng T các khoản nợ sau: Nợ gốc: 415.512.093 đồng; lãi quá hạn: 1.252.117.820 đồng là có căn cứ. Tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút yêu cầu buộc bị đơn phải thanh toán khoản lãi phạt chậm trả là 3.977.011.737 đồng. Vì vậy, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 122, Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 117, Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 90; Điều 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn là Công ty Cổ phần Đ phải trả cho Ngân hàng T số nợ gốc: 415.512.093 đồng; lãi quá hạn: 1.252.117.820 đồng và phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản nợ gốc chưa trả kể từ ngày 21/08/2019 cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ cho Công ty Cổ phần Đ phải trả cho Ngân hàng T theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết. Tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút yêu cầu buộc bị đơn phải thanh toán khoản lãi phạt chậm trả là 3.977.011.737 đồng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ đối với phần yêu cầu về lãi phạt chậm trả nói trên. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực ngân hàng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng theo quy định tại Điều 30; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là Công ty Cổ phần Đ đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn: Xét Hợp đồng tín dụng số: 0136/HĐTD-GPBHP/08 ngày 12/04/2008; Khế ước nhận nợ số 0136.01/KUNN-GPBHP/08 ngày 16/4/2008 và các Hợp đồng thế chấp đã ký kết giữa Ngân hàng T – Chi nhánh Hải Phòng và Công ty Cổ phần Đ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ đã được công bố công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xác định: Công ty Cổ phần Đ có ký kết vay vốn của Ngân hàng T – Chi nhánh Hải Phòng số tiền 4.850.000.000 đồng (Bốn tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng), mục đích vay là đầu tư mua tàu chở hàng, thời hạn vay là 96 tháng kể từ ngày ký Khế ước nhận nợ, lãi suất vay: 1,5%/tháng, tài sản bảo đảm gồm: 01 tàu chở hàng khô Đ 18, số đăng ký HP 2908 cấp tàu VR SI; Quyền sử dụng đất số AI665742, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H/01278 do UBND huyện T, TP Hải Phòng cấp ngày 04/12/2007 đứng tên ông Vũ Văn QQ và vợ là bà Đinh Thị Kiều Ng; Quyền sử dụng đất số AL 235270, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H/01609 do UBND huyện T, TP Hải Phòng cấp ngày 16/01/2008 cho ông Bùi Đức H và vợ là bà Bùi Thị X. Việc ký kết hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp giữa các đ⌋ơng sự là hoàn toàn tự nguyện, có công chứng theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 16/4/2009 Công ty Cổ phần Đ mới trả được số tiền nợ gốc là 606.000.000 đồng và số tiền lãi là 748.765.242 đồng. Từ ngày 16/4/2009, Công ty Cổ phần Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi đối với khoản vay nói trên. Sau khi vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngày 06/5/2009, Công ty Đ đã nộp 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) vào nợ gốc để giải chấp tài sản thế chấp là quyền sử dụng diện tích đất 62,5m²; thửa số: 1331; tờ bản đồ số: 02; địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện T, thành phố Hải Phòng, đứng tên ông Bùi Đức H và bà Bùi Thị X.

Đối với tài sản bảo đảm là Tàu biển Đ 18 đã được bán đấu giá với giá 3.250.000.000 đồng, sau khi trừ chi phí đấu giá còn lại 2.950.000.000 được dùng để trả vào nợ gốc của khoản vay nói trên vào ngày 14/12/2011.

Đối với tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng diện tích đất 100m²; thửa số 1963; tờ bản đồ số: 04; địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện T, thành phố Hải Phòng đứng tên chủ sử dụng là ông Vũ Văn Qv và vợ là bà Đinh Thị Kiều Ng đã được bán đấu giá. Sau khi trừ đi các chi phí liên quan, số tiền còn lại là 194.139.000 đồng đã được Ngân hàng thu trừ nợ vào ngày 10/11/2016.

Như vậy, tính đến hết ngày 20/8/2019 Công ty Cổ phần Đ còn nợ Ngân hàng T các khoản: Nợ gốc: 415.512.093 đồng; lãi quá hạn: 1.252.117.820 đồng là có căn cứ. Tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút yêu cầu buộc bị đơn phải thanh toán khoản lãi phạt chậm trả là 3.977.011.737 đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ đối với phần yêu cầu về lãi phạt chậm trả nói trên.

[3]. Từ những phân tích nêu trên, căn cứ Điều 122, Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 117, Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 90; Điều 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn là Công ty Cổ phần Đ phải trả cho Ngân hàng T số nợ gốc: 415.512.093 đồng; lãi quá hạn: 1.252.117.820 đồng và phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản nợ gốc chưa trả kể từ ngày 21/08/2019 cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ cho Công ty Cổ phần Đ phải trả cho Ngân hàng T theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì bị đơn phải chịu án phí dân sự thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại nguyên đơn tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn do pháp luật quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 30; Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 471, Điều 474, khoản 2 Điều 244 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 117, Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 90; Điều 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T, buộc bị đơn là Công ty Cổ phần Đ phải trả cho Ngân hàng T số tiền nợ gốc và lãi quá hạn tính đến hết ngày 20/8/2019 là: 1.667.629.913 (Một tỷ sáu trăm sáu mươi bảy triệu sáu trăm hai mươi chín nghìn chín trăm mười ba) đồng. Trong đó, số nợ gốc là : 415.512.093 (Bốn trăm mười lăm triệu năm trăm mười hai nghìn không trăm chín

mười ba) đồng; nợ lãi quá hạn là: 1.252.117.820 (Một tỷ hai trăm năm mươi hai triệu một trăm mười bảy nghìn tám trăm hai mươi) đồng.

Công ty Cổ phần Đ phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản nợ gốc chưa trả kể từ ngày 21/08/2019 cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ cho Công ty Cổ phần Đ phải trả cho Ngân hàng T theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết.

2. Đình chỉ phần yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền lãi phạt chậm trả 3.977.011.737 (Ba tỷ chín trăm bảy mươi bảy triệu không trăm mười một nghìn bảy trăm ba mươi bảy) đồng.

3. Về án phí: Công ty cổ phần Đ phải nộp 62.028.897 (sáu mươi hai triệu không trăm hai mươi tám nghìn tám trăm chín mươi bảy) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 57.600.000 (Năm mươi bảy triệu sáu trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0007364 ngày 22 tháng 01 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hải Phòng.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS ND huyện Thủy Nguyên;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Ngọc Anh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Ngọc Anh

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS H. T
- VKSND H. T;
- TAND, VKSND TP. Hải Phòng;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Phương